

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 9 – 2022
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Chiêu

2. Bà Dương Thị Tú Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1994. Hộ khẩu thường trú: ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C

Địa chỉ: số A, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Đăng V, sinh năm 1981. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện sống chung từ năm 2011, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/8/2014. Vợ chồng anh đã ly thân từ khoảng tháng 4/2020 đến nay do sống chung không hạnh phúc. Nay anh yêu cầu được ly hôn với H.

Về con chung: Anh và chị H có hai người con chung là Lê Phạm Kim N, sinh ngày 29/5/2012, hiện đang sống với anh và Lê Phạm Thiên P, sinh ngày 09/5/2016, hiện đang sống với chị H. Tại đơn khởi kiện anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung và yêu cầu H cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Nhưng hiện nay cháu P đang sống chung với chị H và chị H cũng có yêu cầu được nuôi cháu P, nên anh chỉ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và đồng ý giao cháu P cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai 22/6/2022, anh yêu cầu chia đôi nợ chung Ngân hàng C (mà tại đơn khởi kiện anh xác định nhầm là nợ Ngân hàng N) số tiền gốc là 42.000.000 đồng với chị H, mỗi người có trách nhiệm trả số tiền gốc 21.000.000 đồng. Tuy nhiên nay anh xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia đôi nợ chung số tiền 42.000.000 đồng này. Một mình anh sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng C và anh sẽ tự thỏa thuận với Ngân hàng về việc trả nợ, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Vì vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị trình bày thống nhất với lời khai của anh T về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và ly thân. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có hai người con chung như anh T trình bày là đúng. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2022 chị trình bày sẽ làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nộp cho Tòa án. Tuy nhiên đến nay Tòa án không nhận được đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của chị H.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C anh Trần Đăng V trình bày:*

Anh Lê Văn T có vay tiền của Ngân hàng C và hiện còn nợ số tiền gốc 42.000.000 đồng như anh T trình bày là đúng, khoản tiền này là do anh T đứng tên vay. Hiện nay khoản nợ này vẫn chưa đến hạn thanh toán nên việc anh T đồng ý một mình anh T có trách nhiệm trả khoản nợ này cho Ngân hàng và rút yêu cầu khởi kiện về việc chia nợ đối với khoản nợ này thì Ngân hàng C thống nhất, không có ý kiến gì. Ngân hàng C và anh T sẽ tự thỏa thuận về việc trả nợ, Ngân hàng C không yêu cầu gì đối với anh T và chị H trong vụ án này. Trường hợp, anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trong hợp đồng thì Ngân hàng C sẽ khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Ngân hàng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho anh T được ly hôn với chị H.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Phạm Kim N, sinh ngày 29/5/2012 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và giao Lê Phạm Thiên P, sinh ngày 09/5/2016 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con của anh T.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia đôi nợ chung Ngân hàng C số tiền 42.000.000 đồng của anh T.

+ Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị H, chị H đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh T và anh V có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, tại đơn khởi kiện ngày 23/3/2022, anh T yêu cầu chia đôi nợ chung Ngân hàng N số tiền gốc là 42.000.000 đồng, do đó Tòa án đã đưa Ngân hàng N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2022, anh T xác định do ghi nhầm, anh T nợ Ngân hàng C, không phải nợ Ngân hàng N. Đồng thời, tại đơn xin vắng mặt ngày 15/8/2022 của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N cũng xác định anh T và chị H không có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng N. Do đó, Ngân hàng N không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[4] Về hôn nhân: Anh T và chị H tự nguyện sống chung từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, anh T và chị H đã ly thân từ năm 2020 đến nay, xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng anh T và chị H không sống chung với nhau mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mặc khác nay anh T yêu cầu ly hôn, chị H cũng đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T ly hôn với chị H.

[5] Về con chung: Anh T và chị H thống nhất có hai người con chung là Lê Phạm Kim N, sinh ngày 29/5/2012, hiện đang sống với anh T và Lê Phạm Thiên P, sinh ngày 09/5/2016, hiện đang sống với chị H. Anh T và chị H thống nhất khi ly hôn, anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và giao cháu P cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện cháu N và cháu P phát triển tốt, anh T và chị H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung do mình đang trực tiếp nuôi. Mặt khác tại biên bản lấy ý kiến ngày 22/8/2022 cháu N cũng có nguyện vọng sống với anh T. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T: Giao cháu Lê Phạm Kim N, sinh ngày 29/5/2012 cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và giao cháu Lê Phạm Thiên P, sinh ngày 09/5/2016 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T và chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung do mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện ngày 23/3/2022, anh T yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2022 anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện này của anh T là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[7] Về tài sản chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2022 chị H trình bày sẽ làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nộp cho Tòa án. Tuy nhiên đến nay Tòa án không nhận được đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung

và nợ chung của chị H. Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai 22/6/2022, anh T yêu cầu chia đôi nợ chung Ngân hàng C số tiền gốc là 42.000.000 đồng với chị H. Tuy nhiên đến ngày 22/8/2022 anh T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia đôi nợ chung số tiền 42.000.000 đồng này. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện này của anh T là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu chia đôi nợ chung Ngân hàng C số tiền gốc là 42.000.000 đồng với chị H.

[9] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn T ly hôn chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Phạm Kim N, sinh ngày 29/5/2012 cho anh Lê Văn T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và giao cháu Lê Phạm Thiên P, sinh ngày 09/5/2016 cho chị Phạm Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Văn T và chị Phạm Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung do mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T yêu cầu chị Phạm Thị H cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T yêu cầu chia đôi nợ chung Ngân hàng C số tiền gốc là 42.000.000 đồng với chị Phạm Thị H.

5. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh T đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.350.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005234 ngày 31/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí và anh T còn được nhận lại 1.050.000 đồng. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly